

3. Chánh Văn phòng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Quản lý phát hành chứng khoán, thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các tổ chức phát hành, các công ty chứng khoán trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Thông tư này

Chủ tịch
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

LÊ VĂN CHÂU

QUYẾT ĐỊNH số 04/1998/QĐ-UBCK3
ngày 13/10/1998 về việc ban hành
Quy chế về tổ chức và hoạt động của
Công ty Chứng khoán.

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 28/11/1996 của Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này

Quy chế về tổ chức và hoạt động của Công ty Chứng khoán.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán, thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các công ty chứng khoán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Chủ tịch
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

LÊ VĂN CHÂU

QUY CHẾ về tổ chức và hoạt động của
Công ty Chứng khoán

(ban hành kèm theo Quyết định số 04/1998/QĐ-UBCK3 ngày 13/10/1998 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định việc tổ chức và hoạt động của Công ty Chứng khoán trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty chứng khoán là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn thành lập hợp pháp tại Việt Nam, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số loại hình kinh doanh chứng khoán.

2. Người hành nghề kinh doanh chứng khoán là cá nhân làm việc trong Công ty Chứng khoán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán.

3. Giấy phép hành nghề là Giấy phép do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho cá nhân đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 40 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán để làm việc với tư cách là người hành nghề.

4. Bên nước ngoài là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài được phép tham gia hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

5. Ngày giao dịch là ngày mà Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện phiên giao dịch.

Chương II

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG

Điều 3.

1. Công ty tiến hành kinh doanh chứng khoán phải có giấy phép hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và chỉ được phép kinh doanh chứng khoán theo nội dung giấy phép.

2. Giấy phép hoạt động chỉ được cấp cho công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Các ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, ngân hàng đầu tư, các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, công ty bảo hiểm hoặc các tổng công ty tham gia kinh doanh chứng khoán phải thành lập công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn độc lập.

4. Các tổ chức kinh doanh chứng khoán nước

ngoài muốn kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam phải thành lập công ty liên doanh với đối tác Việt Nam theo giấy phép do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Đối với Công ty Chứng khoán liên doanh, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 2 trên đây, Bên nước ngoài dự định tham gia liên doanh phải là các tổ chức kinh doanh chứng khoán đang hoạt động hợp pháp tại nước các tổ chức này đóng trụ sở chính.

Điều 4.

1. Công ty Chứng khoán được thực hiện một hay một số các loại hình kinh doanh chứng khoán quy định tại Điều 29 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chỉ xét cấp giấy phép thực hiện hoạt động bảo lãnh phát hành cho Công ty Chứng khoán đã xin phép hoạt động tư doanh.

Điều 5.

1. Công ty Chứng khoán phải nộp hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động theo quy định tại Điều 6 Quy chế này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc từ chối cấp giấy phép. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giải thích rõ lý do bằng văn bản.

3. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động thì thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn cấp phép.

4. Sau khi được cấp giấy phép hoạt động, Công ty Chứng khoán phải hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo pháp luật hiện hành.

Điều 6.

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động đối với Công ty Chứng khoán Việt Nam bao gồm:

- a) Đơn xin cấp giấy phép hoạt động;
- b) Giấy phép thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;
- c) Điều lệ của công ty;
- d) Lý lịch tóm tắt của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người đại diện của công ty;
- e) Danh sách thành viên Ban giám đốc và các nhân viên kinh doanh của công ty có kèm bản sao giấy phép hành nghề (không kể nhân viên kế toán, văn thư hành chính, thủ quỹ);
- f) Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo hàng năm tình hình hoạt động kinh doanh của các bên là pháp nhân tham gia góp vốn cổ phần chính trong hai (02) năm gần nhất và tỷ lệ góp vốn của các bên;
- g) Bản thuyết trình về cơ sở vật chất kỹ thuật và phương tiện phục vụ cho việc kinh doanh chứng khoán của công ty;
- h) Dự kiến nguồn vốn và phương án kinh doanh trong 12 tháng đầu hoạt động.

2. Hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động của công ty liên doanh chứng khoán gồm các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này và các tài liệu sau:

- a) Điều lệ của bên nước ngoài tham gia liên doanh;
- b) Giấy phép hoạt động tại nguyên xứ của bên nước ngoài tham gia liên doanh;
- c) Danh sách những người nước ngoài làm việc cho liên doanh;
- d) Hợp đồng liên doanh;
- e) Cơ cấu sở hữu, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo hàng năm tình hình hoạt động kinh doanh của các bên liên doanh trong hai (02) năm gần nhất được một công ty kiểm toán độc lập xác nhận;

f) Trong bộ hồ sơ xin phép hoạt động của công ty liên doanh, các giấy tờ là bản sao phải có xác nhận hợp pháp của cơ quan công chứng nơi bên nước ngoài tham gia liên doanh đóng trụ sở chính và được cơ quan công chứng Nhà nước Việt Nam xác nhận bản dịch ra tiếng Việt.

Điều 7.

1. Công ty Chứng khoán muốn sáp nhập, chia, tách công ty phải xin cấp lại giấy phép và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

2. Công ty Chứng khoán đã được cấp giấy phép hoạt động chứng khoán muốn bổ sung hoặc thay đổi hoạt động kinh doanh chứng khoán phải gửi hồ sơ xin cấp giấy phép bổ sung cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Hồ sơ xin cấp lại hoặc cấp giấy phép bổ sung gồm có:

- a) Đơn xin cấp lại, bổ sung hoặc sửa đổi giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- b) Đề án tổ chức lại công ty sau khi bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động bao gồm các nội dung về cơ cấu sở hữu, huy động vốn, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, tuyển dụng lao động;

c) Bảng chứng hợp lệ chứng thực công ty đáp ứng các điều kiện và thủ tục quy định tại các Điều 3 và 4 của Quy chế này.

4. Thời hạn bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động tối đa là 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 8.

1. Trường hợp có những thay đổi về trụ sở, tên công ty, sửa đổi Điều lệ, Công ty Chứng khoán phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và sửa lại giấy phép hoạt động. Thời hạn chấp thuận và sửa lại giấy phép hoạt động tối đa là 15 ngày, kể từ ngày nhận đơn và các tài liệu kèm theo.

2. Trường hợp tuyển dụng người hành nghề,

Công ty Chứng khoán phải tiến hành các thủ tục quy định tại chương III của Quy chế này. Trường hợp thôi tuyển dụng người hành nghề, Công ty Chứng khoán phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.

Điều 9.

1. Công ty Chứng khoán muốn mở, đóng cửa chi nhánh phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Hồ sơ xin mở chi nhánh gồm có:

a) Đơn xin phép mở chi nhánh;

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán của công ty trong hai năm gần nhất trước khi công ty xin mở chi nhánh (nếu có);

c) Phương án hoạt động của công ty trong năm đầu tại địa bàn xin mở chi nhánh;

d) Họ và tên giám đốc chi nhánh và danh sách nhân viên tại chi nhánh;

e) Giấy phép chấp thuận mở chi nhánh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương công ty xin mở chi nhánh.

3. Hồ sơ xin đóng cửa chi nhánh gồm có:

a) Đơn xin phép đóng cửa chi nhánh;

b) Lý do đóng cửa chi nhánh.

4. Thời hạn chấp thuận mở, đóng cửa Chi nhánh Công ty Chứng khoán tối đa là 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin phép.

Điều 10. Trước khi chính thức nhận giấy phép hoạt động hoặc giấy phép hoạt động được cấp lại, bổ sung Công ty Chứng khoán phải:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo mức quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

2. Chuyển toàn bộ vốn điều lệ, hoặc phân vốn điều lệ bổ sung vào tài khoản phong tỏa không được hưởng lãi tại ngân hàng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chỉ định. Số tiền này chỉ được giải tỏa sau khi công ty chính thức khai trương hoạt động;

3. Trường hợp vốn điều lệ có phân vốn bằng hiện vật, Công ty Chứng khoán phải xuất trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giấy tờ chứng minh quyền sở hữu và giá trị hiện vật theo quy định hiện hành.

Điều 11.

1. Trước khi khai trương hoạt động, Công ty Chứng khoán phải công bố việc thành lập và giấy phép hoạt động trên một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương ra hàng ngày trong năm (05) số liên tiếp nơi công ty đặt trụ sở chính với các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên đầy đủ (tiếng Việt/tiếng Anh) và tên viết tắt của công ty;

b) Vốn điều lệ;

c) Các loại hình hoạt động được phép thực hiện;

d) Số, ngày cấp và thời hạn của giấy phép hoạt động, giấy phép thành lập;

e) Họ và tên Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc);

f) Ngày khai trương hoạt động;

g) Trụ sở chính và các chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty Chứng khoán phải niêm yết giấy phép hoạt động và danh sách đại diện tại trụ sở chính và các chi nhánh của công ty.

3. Công ty Chứng khoán phải ghi rõ tên công ty, số giấy phép trên tiêu đề thư tín, quảng cáo và các tài liệu giao dịch.

4. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động, Công ty Chứng khoán phải thực hiện đầy đủ việc công bố giấy phép như khi được cấp giấy phép hoạt động lần đầu.

5. Trường hợp mở, đóng cửa chi nhánh, Công ty Chứng khoán phải công bố số, ngày của quyết định cho mở, đóng cửa chi nhánh; hoạt động chính của chi nhánh, trụ sở và ngày mở (đóng) chi nhánh, họ tên giám đốc chi nhánh trên một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương ra hàng ngày trong ba (02) số liên tiếp nơi công ty đặt chi nhánh.

Chương III

GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ

Điều 12. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét cấp giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán cho cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện sau đây theo đề nghị của Công ty Chứng khoán:

1. Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
2. Không thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - b) Đã bị kết án về các tội nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, các tội nghiêm trọng xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa, sở hữu của công dân, các tội nghiêm trọng về kinh tế;
 - c) Đã bị kết án về các tội phạm khác mà chưa được xóa án.
3. Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên;
4. Có đủ các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Điều 13. Hồ sơ xin cấp giấy phép hành nghề cho công dân Việt Nam gồm:

1. Đơn xin cấp Giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán;

2. Các chứng chỉ chuyên môn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các văn bằng chứng chỉ chứng thực trình độ văn hóa;

3. Lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp đơn xin cấp giấy phép hành nghề không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy chế này;

4. Nhận xét của các cơ quan nơi người xin cấp giấy phép hành nghề công tác trước đây (nếu có).

Điều 14. Hồ sơ xin cấp giấy phép hành nghề cho người nước ngoài làm việc ở Việt Nam gồm có:

1. Đơn xin cấp giấy phép hành nghề cho người nước ngoài;
2. Bản chụp hộ chiếu, bản sao có công chứng giấy phép cư trú tại Việt Nam;
3. Giấy phép lao động cho người nước ngoài do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp;
4. Các văn bằng, chứng chỉ chứng thực trình độ học vấn, trình độ chuyên môn;
5. Giấy chứng nhận lý lịch tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nộp hồ sơ có quốc tịch;
6. Giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán của nước mà người nộp hồ sơ có quốc tịch;
7. Nhận xét của các cơ quan nơi người xin cấp giấy phép hành nghề công tác trước đây (nếu có).

Điều 15. Người xin cấp giấy phép hành nghề phải nộp lệ phí cấp phép là 1 triệu đồng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi nhận giấy phép hành nghề.

Điều 16.

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc

01663137

từ chối cấp giấy phép hành nghề. Trong trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản giải thích rõ lý do.

2. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp giấy phép hành nghề, thì thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn cấp phép.

Điều 17. Cá nhân có giấy phép hành nghề không được:

1. Đồng thời làm việc hoặc đầu tư vào hai hay nhiều Công ty Chứng khoán;

2. Làm giám đốc, người có quyền điều hành hay cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành khác;

3. Mua, bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê, mượn giấy phép hành nghề.

Điều 18.

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Chứng khoán là Tổng Giám đốc (Giám đốc). Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), người chịu trách nhiệm chính về hoạt động của công ty tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty Chứng khoán được Tổng Giám đốc (Giám đốc) ủy quyền đại diện cho công ty trong hoạt động kinh doanh

2. Người đại diện phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Trước khi cấp Giấy phép hoạt động, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận danh sách đại diện theo ủy quyền của Công ty Chứng khoán. Danh sách đại diện theo ủy quyền là phụ lục kèm theo giấy phép hoạt động của Công ty Chứng khoán và là một phần không tách rời của giấy phép.

4. Việc thay đổi danh sách đại diện phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 19. Người làm đại diện Công ty Chứng khoán phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng cử nhân kinh tế hoặc cử nhân luật;

2. Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hành nghề;

3. Không phải là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của một công ty đã bị phá sản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật Phá sản doanh nghiệp;

4. Không phải là người hành nghề đã bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi giấy phép hành nghề theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

5. Cá nhân giữ chức vụ Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải có thâm niên công tác ít nhất 3 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc bảo hiểm.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Điều 20. Công ty Chứng khoán hoạt động theo các nguyên tắc sau đây:

1. Giao dịch trung thực và công bằng, vì lợi ích của khách hàng;

2. Kinh doanh có kỹ năng, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm;

3. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước khi thực hiện lệnh của công ty;

4. Đảm bảo nguồn tài chính trong cam kết kinh doanh chứng khoán với khách hàng;

5. Tổ chức và thực hiện công tác thanh tra, kiểm soát nội bộ để bảo đảm hoạt động của công ty và nhân viên của công ty phù hợp với các quy định của pháp luật;

6. Có đủ các nhân viên kinh doanh chứng khoán có năng lực, đã qua tuyển chọn và đào tạo;

7. Không tiến hành các hoạt động có thể làm cho khách hàng và công chúng hiểu lầm về giá cả, giá trị và bản chất của chứng khoán hoặc các hoạt động khác gây thiệt hại cho khách hàng.

Điều 21.

1. Việc mở và quản lý tài khoản của khách hàng phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa Công ty Chứng khoán và khách hàng.

2. Công ty Chứng khoán phải quản lý tài sản chứng khoán của khách hàng tách biệt với tài sản chứng khoán của công ty.

3. Hàng tháng hoặc theo yêu cầu của khách hàng, Công ty Chứng khoán phải gửi cho từng khách hàng bản sao kê tài khoản tiền và chứng khoán trên tài khoản.

4. Công ty Chứng khoán không được tiết lộ các thông tin về tài khoản của khách hàng nếu chưa được khách hàng đồng ý bằng văn bản. Quy định này không áp dụng trong trường hợp những thông tin này phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 22.

1. Vốn khả dụng và tổng vốn nợ đã điều chỉnh của Công ty Chứng khoán quy định tại Điều 35 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty Chứng khoán được cấp giấy phép thực hiện môi giới, tự doanh phải liên tục duy trì mức vốn khả dụng tối thiểu 8% trên tổng vốn nợ đã điều chỉnh. Trong thời hạn tối đa là 48 giờ kể từ khi phát hiện mức vốn khả dụng xuống thấp hơn mức quy định, Công ty Chứng khoán phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản và

thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để tuân thủ quy định về mức vốn khả dụng tối thiểu trong thời hạn tối đa là 7 ngày giao dịch.

3. Công ty Chứng khoán không khắc phục được tình trạng thiếu hụt vốn khả dụng bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Công ty Chứng khoán không được:

1. Sử dụng quá 50% vốn điều lệ để mua sắm trang thiết bị và tài sản cố định;

2. Đầu tư vượt quá 20% tổng số chứng khoán đang lưu hành của một công ty niêm yết;

3. Đầu tư vượt quá mức 15% tổng số chứng khoán đang lưu hành của một công ty không niêm yết;

4. Bảo lãnh phát hành chứng khoán vượt quá 4 lần hiệu số giữa giá trị tài sản lưu động và tổng nợ ngắn hạn của Công ty Chứng khoán.

Điều 24.

1. Trong quá trình kinh doanh, nếu Công ty Chứng khoán vượt quá các hạn mức quy định tại Điều 23, thì phải khắc phục theo quy định sau đây:

a) Vượt mức quy định tại khoản 1 Điều 23 thì phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn tối đa là 5 ngày làm việc và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết (tăng vốn điều lệ hoặc bán tài sản) để tuân thủ hạn mức trong thời hạn tối đa là 3 tháng;

b) Vượt mức quy định tại khoản 2 Điều 23 thì phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong ngày giao dịch vượt hạn mức và thực hiện việc bán chứng khoán để tuân thủ hạn mức trong thời hạn tối đa là 7 ngày giao dịch;

c) Vượt mức quy định tại khoản 3 Điều 23 thì phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong ngày giao dịch vượt hạn mức và điều chỉnh số lượng chứng khoán sở hữu để tuân thủ hạn mức trong thời hạn tối đa là 30 ngày giao dịch;

d) Công ty Chứng khoán bảo lãnh phát hành một loại chứng khoán niêm yết tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 23 nhưng vi phạm khoản 2 Điều 23 thì phải áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức trong thời hạn tối đa là 6 tháng.

2. Công ty Chứng khoán không tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này thì bị xử lý theo Điều 32 Quy chế này.

Điều 25. Công ty Chứng khoán phải trích 5% lãi ròng hàng năm lập quỹ bổ sung vốn điều lệ cho đến khi bằng 10% mức vốn điều lệ. Việc quản lý và sử dụng quỹ này được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 26.

1. Công ty Chứng khoán phải thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công ty Chứng khoán phải lưu giữ các sổ sách kế toán và tất cả các văn bản hợp đồng đủ để thuyết trình và giải thích các giao dịch chứng khoán trong thời gian tối thiểu là 10 năm tính từ ngày giao dịch được thực hiện.

3. Công ty Chứng khoán phải ký văn bản thỏa thuận với một công ty kiểm toán độc lập đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để kiểm tra và xác nhận các báo cáo tài chính của công ty theo quy định tại Điều 28 của Quy chế này.

Điều 27.

1. Công ty Chứng khoán có nghĩa vụ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước một cách trung thực, chính xác, đầy đủ và đúng hạn các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán của mình.

2. Việc công bố thông tin ra công chúng của Công ty Chứng khoán được thực hiện theo Quy chế về công bố thông tin ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định.

3. Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ báo cáo Ủy

ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Chứng khoán là thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán phải thực hiện các nghĩa vụ báo cáo Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại các Điều 28 và 29 Quy chế này.

Điều 28.

1. Năm tài chính của Công ty Chứng khoán bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam. Các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam được hạch toán theo quy định hiện hành.

3. Công ty Chứng khoán ghi chép sổ sách kế toán và quyết toán theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán, thống kê.

4. Báo cáo hàng năm:

Trong thời hạn 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty Chứng khoán phải gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng có thẩm quyền báo cáo tài chính theo quy định của Pháp lệnh Kế toán thống kê. Báo cáo tài chính của Công ty Chứng khoán gồm các tài liệu sau đây:

a) Báo cáo tình hình hoạt động năm;

b) Các báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này phải được công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam xác nhận;

c) Ngoài việc nộp báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Chứng khoán phải phát hành ấn phẩm báo cáo thường niên theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

d) Công ty liên doanh chứng khoán phải gửi thêm báo cáo tình hình hoạt động năm, bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của tổ chức tại nước nguyên xứ.

5. Báo cáo hàng quý:

Trong thời hạn 15 ngày sau khi kết thúc một quý, Công ty Chứng khoán phải gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo tình hình hoạt động trong quý;
- b) Bảng cân đối kế toán trong quý;
- c) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong quý.

6. Báo cáo hàng tháng:

Hàng tháng, trong thời hạn 5 ngày của tháng tiếp theo, Công ty Chứng khoán phải gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo tháng về tình hình hoạt động, báo cáo về vốn khả dụng và các báo cáo khác theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 29. Công ty Chứng khoán phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời hạn tối đa là 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện sau đây:

1. Công ty bị tổn thất lớn về tài sản;
2. Bị đánh cắp, mất cắp hoặc thất lạc hồ sơ, tài liệu kinh doanh;
3. Hoạt động của công ty bị tê liệt một phần hay toàn bộ;
4. Công ty phát hiện chứng khoán giả;
5. Người đại diện của công ty bị bắt, bị mất tích, bị chết hoặc mất khả năng làm việc;
6. Các trường hợp bất thường khác.

Điều 30. Nghiêm cấm Công ty Chứng khoán và người hành nghề trực tiếp hay gián tiếp tiến

hành các hoạt động quy định tại Chương VIII Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương V

THANH TRA, GIÁM SÁT, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Công ty Chứng khoán, cá nhân hành nghề kinh doanh chứng khoán phải chịu sự thanh tra, giám sát của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32.

1. Công ty Chứng khoán vi phạm các quy định trong giấy phép hoạt động chứng khoán hoặc vi phạm các quy định trong Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Quy chế này, sẽ bị áp dụng các mức phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Người hành nghề kinh doanh chứng khoán, người đại diện của Công ty Chứng khoán vi phạm các quy định trong giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán, giấy phép đại diện hoặc vi phạm các quy định trong Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Quy chế này sẽ bị áp dụng các mức phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 33. Công ty Chứng khoán phải hoàn tất các giao dịch và thực hiện các hợp đồng đã giao kết trước khi bị đình chỉ, thu hồi giấy phép. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể chỉ định Công ty Chứng khoán khác thay mặt công ty bị đình chỉ, thu hồi giấy phép hoàn tất giao dịch theo quy định trên đây. Trong trường hợp này quan hệ ủy quyền mặc nhiên được xác lập giữa hai công ty.

Điều 34. Ngoài các quy định trong Luật Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan, việc giải thể các Công ty Chứng khoán phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng ý trước bằng văn bản.

Điều 35. Việc phá sản Công ty Chứng khoán được thực hiện theo thủ tục phá sản đặc biệt áp dụng cho các công ty thực hiện dịch vụ công cộng quan trọng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 189/CP ngày 23/12/1994 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Phá sản doanh nghiệp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định.

Chủ tịch
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

LÊ VĂN CHÂU